TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HS-ST
Ngày 25 tháng 8 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.
Các Hội thẩm nhân dân Bà Vi Thị Khiểu;
Ông Moong Thái Nhi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thùy Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại điểm cầu Trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Nghệ An và điểm cầu thành phần Phân trại tạm giam Đô L thuộc trại tạm giam Công an tỉnh N, Tòa án nhân dân khu vực 12 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2026/HS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Văn T**; tên gọi khác: Không; Số CCCD: 040093000846;
Sinh ngày 19/12/1993, tại xã H, tỉnh Nghệ An;
Nơi cư trú: Bản H, xã H, tỉnh Nghệ An;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Xén M, sinh năm 1965 và bà Lương Thị Xén M sinh năm 1970; có vợ là Kha Thị B và 03 (ba) con (lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2020);

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 06/QĐ-TA ngày 07/5/2019 của TAND huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An (nay là TAND khu vực 12 - Nghệ An) với thời gian 20 (hai mươi) tháng, chấp hành xong ngày 02/3/2021.

Bị cáo bị bắt từ ngày 03/6/2026, hiện đang tạm giam. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T1, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

Người chứng kiến: Anh Vi Văn G; sinh năm 1994; nơi cư trú: Bản N, xã H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 01/6/2026, Lương Văn T thuê xe lai của một người đàn ông không quen biết đi từ bản X, xã H, tỉnh Nghệ An đến bản H, xã N, tỉnh Nghệ An để tìm mua ma túy sử dụng. Khi đến nơi Lương Văn T gặp một người đàn ông dân tộc Khơ mú không quen biết rồi hỏi mua của người này 02 (hai) viên ma túy (dạng hồng phiến) với số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy, Lương Văn T cất giấu vào túi quần rồi tiếp tục thuê xe lai đi về nhà, về đến nhà Lương Văn T lấy 01 (một) viên ma túy ra sử dụng, còn lại 01 (một) viên cất giấu trong người để sử dụng dần.

Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 03/6/2026, khi Lương Văn T đang đi chơi tại bản H, xã H, tỉnh Nghệ An thì bị tổ công tác Công an xã H phát hiện bắt quả tang thu giữ 01 (một) viên nén màu hồng (nghi là ma túy).

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong lại vào hồi 15 giờ 15 phút ngày 03/6/2026 đã xác định: 01 (một) viên nén hình tròn màu hồng thu giữ của Lương Văn T có khối lượng 0,1 gam.

Theo Kết luận giám định số 465/KL-KTHS(Đ2-MT) ngày 08/6/2026 của Phòng K Công an tỉnh N: Mẫu viên nén màu hồng thu giữ của Lương Văn T gửi đến giám định là ma túy; loại Methamphetamine. Viên nén màu hồng thu giữ của Lương Văn T có tổng khối lượng là 0,1g (không phẩy một gam).

Tại Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N, Lương Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, mục đích tàng trữ số ma túy trên là để sử dụng.

Về vật chứng của vụ án: Số ma túy (Methamphetamine) đã gửi giám định hết, còn lại vỏ giấy niêm phong ban đầu hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng Phân trại tạm giam Đô L thuộc trại tạm giam Công an tỉnh N.

Cáo trạng số 11/CT-VKSKV12 ngày 05/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Nghệ An đã truy tố bị cáo Lương Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Nghệ An vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 để xử phạt bị cáo Lương Văn T mức án từ 03 năm (ba năm) đến 03 năm 03 tháng (Ba năm ba tháng) tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu

tiêu hủy vỏ giấy niêm phong ma túy ban đầu đã thu giữ của bị cáo; về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Về tội danh và điều luật áp dụng đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ dân trí thấp, nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Lương Văn T đồng ý với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến gì khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên; Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định pháp luật.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người chứng kiến, tuy nhiên quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ vụ án. Do đó, sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 03/6/2026, tại bản H, xã H, tỉnh Nghệ An, bị cáo Lương Văn T bị bắt quả tang khi đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,1g (Không phẩy một gam) ma túy Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng. Hành vi đó của bị cáo Lương Văn T đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; Nhân thân người phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các loại chất gây nghiện. Bị cáo là người đã trưởng thành có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được ma túy là chất gây nghiện bị Nhà nước cấm vì ma túy gây tác hại xấu đến đời sống kinh tế xã hội cũng như sức khỏe của con người và cũng là mầm mống phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật để tàng trữ trái phép làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, tuy đã chấp hành xong và đã hết thời hạn bị coi là tiền sự nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành người tốt mà lại tiếp tục tàng trữ trái phép chất ma túy, điều đó chứng tỏ bị cáo có nhân thân xấu, có ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, cần tuyên phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới đủ điều kiện để vừa tiếp tục cải tạo, giáo dục riêng bị cáo vừa răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên xét thấy cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người nghiện ma túy, thu nhập không ổn định, việc tàng trữ ma túy chỉ nhằm mục đích sử dụng cho bản thân mà không có mục đích lợi nhuận, vì vậy Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[6] Về các đối tượng liên quan: Trong vụ án này có người đàn ông không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ đã bán ma túy cho bị cáo và người đàn ông xe lai được bị cáo thuê chở đi mua ma túy, quá trình điều tra chưa xác định được lai lịch, nhân thân của hai người này. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có kết quả sẽ được xử lý.

[7] Về vật chứng vụ án: Số ma túy thu giữ được của bị cáo đã được gửi giám định hết, còn lại vỏ giấy niêm phong ban đầu, đây là vật không còn giá trị nên phải tịch thu để tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án tuy nhiên thuộc thành phần đối tượng là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn án phí, vì vậy Hội đồng xét xử miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025: Xử phạt bị cáo Lương Văn T 03 năm 03 tháng (Ba năm ba tháng) tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 03/6/2026).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) phong bì thư bưu điện viền xanh đỏ, được niêm phong, dán kín, trên mép dán có đầy đủ chữ ký của những người tham gia niêm phong, chữ ký của đối tượng Lương Văn T và đóng các hình dấu của cơ quan CSĐT Công an tỉnh N. Bên trong phong bì có chứa vỏ giấy niêm phong ban đầu (vật chứng đang do P trại tạm giam Đô L thuộc trại tạm giam Công an tỉnh N quản lý theo phiếu nhập kho vật chứng và tài liệu, đồ vật số 74/PNK ngày 23/6/2026 của Phân trại tạm giam Đô L thuộc trại tạm giam Công an tỉnh N).

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Văn T.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/8/2026)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 12 - Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Phân trại Tạm giam Đô Lương, Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- Phòng HS nghiệp vụ, CA tỉnh Nghệ An;
- Phòng THADS khu vực 12 - Nghệ An;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, hồ sơ THAHS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hữu Lộc